



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2008**

**TP. Hồ Chí Minh, tháng 06 năm 2009**

## Mục lục

|   |           |
|---|-----------|
| <b>Phần A: TỔNG QUAN CÔNG TY SPT</b>                                  | <b>3</b>  |
| I. Thông tin chung  | 3         |
| II. Lịch sử hình thành và quá trình phát triển                        | 3         |
| III. Định hướng phát triển  | 5         |
| <b>Phần B: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG</b>                                      | <b>7</b>  |
| I. Những kết quả hoạt động trong năm                                  | 7         |
| II. Tình hình thực hiện so với năm trước                              | 7         |
| III. Triển vọng và kế hoạch 2009                                      | 8         |
| IV. Báo cáo tình hình tài chính                                       | 9         |
| V. Những tiến bộ Công ty SPT đã đạt được                              | 9         |
| VI. Các biện pháp kiểm soát   | 10        |
| VII. Kế hoạch phát triển trong tương lai                              | 11        |
| <b>Phần C: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BẢN GIẢI TRÌNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b> | <b>13</b> |
| <b>Phần D: CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN</b>                               | <b>18</b> |
| <b>Phần E: TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ</b>                                     | <b>19</b> |
| I. Cơ cấu tổ chức Công ty   | 19        |
| II. Tóm tắt lý lịch các thành viên Ban Điều hành Công ty              | 21        |
| III. Số lượng cán bộ, viên chức và chính sách đối với người lao động  | 23        |
| <b>Phần F: THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>                  | <b>24</b> |
| I. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát                                 | 24        |
| II. Thống kê về cổ đông   | 31        |

## Phần A

# TỔNG QUAN CÔNG TY SPT

### I. Thông tin chung

- Tên giao dịch tiếng Việt:

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN**

- Tên giao dịch đối ngoại: **SAIGON POSTEL CORP.**

- Tên viết tắt: **SPT**

- Trụ sở chính: 199 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại: (84.8) 5 404 0608 Fax: (84.8) 5 404 0609

- Email: [vpct@spt.vn](mailto:vpct@spt.vn)

- Website: <http://www.spt.vn>

- Mã số thuế: 0300849034 – 1

- Tài khoản:

+ Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

. Tài khoản Việt Nam đồng: 007.100.0020593

. Tài khoản ngoại tệ: 007.137.0100333

+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

. Tài khoản Việt Nam đồng: 4211.30.00.00.0165

. Tài khoản ngoại tệ: 4221.30.37.00.0165

### II. Lịch sử hình thành và quá trình phát triển

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (SPT) thành lập theo Giấy phép số 2914/GP.UB ngày 27/12/1995.

Công ty SPT là Công ty cổ phần đầu tiên hoạt động trong lĩnh vực Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

#### 2.1. Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất, lắp ráp thiết bị viễn thông, xuất nhập khẩu và kinh doanh thiết bị bưu chính viễn thông. Thiết kế, lắp đặt, bảo trì hệ thống thiết bị thuê bao và mạng lưới bưu chính viễn thông chuyên dùng. Xây dựng công trình bưu chính viễn thông. Kinh doanh dịch vụ bưu chính viễn thông. Cung cấp dịch vụ Internet

công cộng (ISP), cung cấp thông tin lên mạng Internet (ICP), thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ điện thoại trung kế vô tuyến, thiết lập mạng viễn thông công cộng và cung cấp các dịch vụ viễn thông, thiết lập mạng lưới và kinh doanh các dịch vụ viễn thông. Kinh doanh các loại hình dịch vụ bưu chính trong nước và quốc tế, làm đại lý ủy thác chuyển phát tài liệu, chứng từ kinh doanh và hàng hóa trong phạm vi cả nước (phải thực hiện theo qui định của pháp luật). Cung cấp các loại dịch vụ viễn thông sử dụng giao thức IP. Mua bán điện thoại. Cung cấp dịch vụ kết nối Internet (IXP): dịch vụ kết nối Internet trong nước (NIX) và dịch vụ kết nối Internet quốc tế (IIG). Chuyển tiền nhanh. Dịch vụ quảng cáo. Thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ thông tin di động mặt đất. Cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet viễn thông. Dịch vụ sửa chữa, bảo trì, bảo hành thiết bị đầu cuối.

Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Trang trí nội-ngoại thất. Lắp đặt hệ thống điện dân dụng và công nghiệp, ăng ten truyền hình, cáp và mạng thông tin, thiết bị bảo vệ, báo động, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị cấp thoát nước, điều hòa không khí, hệ thống sấy, hút bụi, thông gió, cầu thang, thang máy, băng chuyền tự động. Đại lý bán hàng hưởng hoa hồng.

## **2.2. Tình hình hoạt động:**

Năm 1996, Công ty SPT bắt đầu triển khai dịch vụ bưu chính, chuyển phát tại thị trường Thành phố Hồ Chí Minh. Ngay trong năm tiếp theo, Công ty SPT chính thức cung cấp dịch vụ Internet (ISP) với thương hiệu SaigonNet, trở thành một trong bốn nhà cung cấp dịch vụ Internet đầu tiên tại Việt Nam.

Từ 2001, Công ty SPT triển khai cung cấp dịch vụ VoIP đường dài trong nước và quốc tế với thương hiệu 177. Cho đến nay, các loại thẻ gọi điện thoại quốc tế SnetFone, SnetUS, SnetAsia, AloVoiz, Svoiz, Fone24h đã chiếm ưu thế vượt trội trên thị trường thẻ PC-2-Phone chính thức tại Việt Nam. Riêng về lưu lượng quốc tế VoIP chiều quốc tế về Việt Nam, Công ty SPT chiếm đến hơn 30% tổng thị phần của cả nước, mang lại nhiều lợi nhuận cho Công ty.

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty SPT đã đưa mạng điện thoại cố định đầu số 4 vào khai thác và đang thiết lập hạ tầng để mở rộng ra các tỉnh thành lân cận. Công ty đã đạt gần 200.000 thuê bao cố định và ADSL. Đặc biệt, Công ty SPT là đơn vị phục vụ trọn gói dịch vụ viễn thông tại khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng và nhiều khu dân cư tập trung, chung cư, cao ốc văn phòng tại TP.HCM.

Trong lĩnh vực di động, Công ty SPT là người đi tiên phong trong việc triển khai mạng điện thoại di động sử dụng công nghệ CDMA 2000-1x EV-DO tại Việt Nam với thương hiệu S-Fone. Đây là dự án hợp tác kinh doanh với Công ty SLD Telecom Pte., Ltd. một đối tác Hàn Quốc có nhiều tiềm lực và uy tín. Mạng di động S-Fone ngày càng được củng cố hoàn thiện để cung cấp cho

khách hàng nhiều loại hình dịch vụ đa dạng, chất lượng tốt với giá cả cạnh tranh trên phạm vi cả nước. Cho đến nay, Mạng S-Fone đã có hơn 6 triệu thuê bao cung cấp dịch vụ truy cập Internet tốc độ cao qua USB và dịch vụ Tivi trên sóng di động.

Đến nay, Công ty SPT đã có gần như đầy đủ các giấy phép quan trọng của ngành Bưu chính Viễn thông Việt Nam, đặc biệt 02 giấy phép thiết lập hạ tầng mạng trực quốc gia và quốc tế.

Thành công bước đầu của Công ty SPT càng được khích lệ thêm bởi những ghi nhận của lãnh đạo cấp trên. Từ năm 2001 đến năm 2004, Công ty SPT được Chính phủ và Thành phố tặng nhiều Bằng khen, Cờ Đơn vị xuất sắc và đặc biệt năm 2005 được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động Hạng 3. Liên tục trong 3 năm 2006, 2007 và 2008, Công ty SPT đoạt giải “Thương hiệu mạnh” trong Chương trình Thương hiệu mạnh Việt Nam do Thời báo Kinh tế Việt Nam phối hợp Cục Xúc tiến Thương mại (Bộ Thương mại) tổ chức và đạt giải Sao vàng Phương Nam và Sao vàng Đất Việt năm 2008.

Các chương trình “Dân ta biết sử ta”, “Đồng hành vì người nghèo”, “Ngày hội hiến máu nhân đạo” của Công ty SPT thu hút đông đảo người tham gia và tạo dư luận tốt trong xã hội. Với tổng doanh thu bình quân xấp xỉ 1000 tỷ đồng/năm, Công ty SPT đóng góp khá tốt cho ngân sách nhà nước.

Công ty SPT đang từng bước mở rộng mạng lưới cung cấp các loại hình dịch vụ tại 64 tỉnh thành trong cả nước và đầu tư ra nước ngoài. Hiện Công ty SPT đang cung cấp nhiều loại hình dịch vụ cho hàng triệu thuê bao; thị phần ngày càng mở rộng; thương hiệu SPT được nhận diện rộng rãi. Vốn điều lệ Công ty tăng nhiều lần so với 50 tỷ đồng ban đầu. Trong những năm gần đây, tỷ lệ chia cổ tức cho cổ đông Công ty đạt tỉ lệ từ 12% - 15%/năm trên vốn góp.

Sau hơn 13 năm hoạt động và phát triển với sự nỗ lực của Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ viên chức, Công ty SPT đã khẳng định thương hiệu và vị thế SPT trên thị trường bưu chính viễn thông trong nước và quốc tế.

### **III. Định hướng phát triển**

#### **3.1. Về dịch vụ:**

Triển khai kế hoạch mở rộng mạng lưới cung cấp dịch vụ ra phạm vi toàn quốc một cách phù hợp, hiệu quả. Tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ và chất lượng phục vụ. Đặt trọng tâm vào khách hàng và cung cấp các dịch vụ khách hàng của mình một cách xuất sắc để tạo sự khác biệt;

Nghiên cứu phát triển các dịch vụ mới, các dịch vụ giá trị gia tăng để mang thêm các lợi ích cho khách hàng và khai thác sử dụng có hiệu quả hạ tầng viễn thông theo định hướng băng rộng, đa dịch vụ đã và đang được đầu tư.

### **3.2. Về hạ tầng và công nghệ:**

Xây dựng và phát triển hạ tầng viễn thông trong nước và quốc tế của công ty dựa trên nền công nghệ tiên tiến, dung lượng lớn, đồng bộ, có đủ năng lực để cung cấp đa dịch vụ băng rộng phù hợp với xu hướng hội tụ công nghệ (thoại, dữ liệu, hình ảnh). Tập trung vào băng rộng và các dịch vụ nội dung số bằng cách tự đầu tư một cách hợp lý để xây dựng CSHT đồng thời kết hợp với việc hợp tác, liên kết với đối tác để phát triển khách hàng băng rộng, tạo điều kiện thuận lợi để Công ty đưa ra thêm các dịch vụ mới.

Nghiên cứu cập nhật các khuynh hướng phát triển công nghệ, dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin trên thế giới. Có chiến lược phù hợp và kế hoạch ứng dụng hiệu quả vào phát triển hạ tầng mạng lưới và dịch vụ của Công ty.

### **3.3. Quản trị doanh nghiệp:**

Triển khai kế hoạch nghiên cứu tái cấu trúc doanh nghiệp phù hợp với chiến lược phát triển Công ty, áp dụng phương thức quản trị theo hướng tinh gọn, hiệu quả, cải thiện các quy trình vận hành của Công ty.

Thực hiện quá trình thay đổi để hiện đại hóa hệ thống quản trị, nâng cao chất lượng và năng lực quản lý, tiến hành các chương trình phát triển và học tập cụ thể, sát với yêu cầu để trang bị cho Cán bộ công nhân viên các kỹ năng đặc biệt, năng lực và kinh nghiệm cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ và những thách thức trong việc phát triển kinh doanh;

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp hướng đến khách hàng. Hình thành và hoàn thiện các chính sách để phát triển nguồn nhân lực giỏi chuyên môn, gắn bó với doanh nghiệp, có trách nhiệm với khách hàng và với cổ đông của Công ty.

### **3.4. Quan hệ với đối tác, cổ đông, khách hàng:**

Tích cực xây dựng và mở rộng mối quan hệ hợp tác bình đẳng, hiệu quả với các đối tác trong và ngoài nước cho sự phát triển của Công ty.

Duy trì và phát triển tốt mối quan hệ với các cổ đông hiện hữu của Công ty. Có định hướng tìm cổ đông chiến lược là doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước có kiến thức, kinh nghiệm về ngành nghề liên quan, có khả năng hỗ trợ về chuyên môn, về tài chính, về quản trị doanh nghiệp... đóng góp hiệu quả vào việc mang lại giá trị tăng thêm đối với hoạt động của Công ty.

Tiếp tục hoàn thiện các chính sách và quy trình phục vụ, quy trình chăm sóc đối với khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty. Xây dựng phong cách phục vụ thân thiện, chuyên nghiệp, phấn đấu để đáp ứng tốt hơn yêu cầu của khách hàng và trở thành một công ty có được sự lựa chọn cao từ khách hàng.

## Phần B

# BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

### I. Những kết quả hoạt động trong năm

- Bổ sung vốn điều lệ từ 325 tỷ lên 425 tỷ.
- Khánh thành Trụ sở Văn phòng SPT tại 199 Điện Biên Phủ, quận Bình Thạnh khang trang, thuận lợi hơn trong công tác điều hành và quản lý.
- Tiếp tục thực hiện công tác đầu tư dự án xây dựng tuyến cáp quang biển AAG, dự kiến đưa vào khai thác năm 2009 với băng thông tăng vượt bậc cùng nhiều cơ hội kinh doanh quốc tế.
- Sản lượng VoIP Quốc tế tăng trưởng tốt nhất trong 7 năm qua, chiếm 27% thị phần. Tuy nhiên, giá cước giảm khá nhiều theo xu hướng chung của ngành viễn thông.
- Tốc độ tăng trưởng thuê bao di động S-Fone khá tốt, gói cước 1 đồng và Ecco đã nâng thuê bao tích lũy đến cuối 2008 là 6 triệu.
- Đạt được giải thưởng Sao vàng Phương Nam và Sao vàng Đất Việt.

### II. Tình hình thực hiện so với năm trước

#### 2.1. Về kinh doanh:

- Doanh thu: **957,76 tỷ đồng** tăng 3,9% so với 2007, bằng 86,7% so với KH năm 2008.
- Lợi nhuận trước thuế: **36 tỷ đồng** (chưa bao gồm khoản lỗ đầu tư tài chính), đạt 47% KH2008. Khấu hao: đạt 105,8 tỷ đồng, lũy kế đến 31/12/2008: 525,7 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận và khấu hao năm 2008: 141,8 tỷ đồng đạt 69,9% kế hoạch và bằng 78% so với thực hiện 2007.
- Nộp ngân sách Nhà nước: 20,7 tỷ đồng.
- Lao động bình quân trong năm: 1.554 người. Thu nhập bình quân: 3,8 triệu đồng/người/tháng (không tính các đơn vị hợp doanh).

#### 2.2. Về đầu tư:

Tính đến tháng cuối tháng 12/2008, tình hình đầu tư của toàn Công ty đã đạt được kết quả như sau:

- Giá trị đầu tư hoàn thành lũy kế : **1.078,34 tỷ đồng**
- Giá trị đầu tư hoàn thành (PAC) : **169,91 tỷ đồng**, bằng 78,7% KH 2008 và bằng 76,2% so với cùng kỳ năm 2007

### 2.3. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ Công ty SPT tính đến thời điểm 31/12/2008 là 425 tỷ đồng (Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 064090 ngày 17/10/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 12/01/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

## III. Triển vọng và kế hoạch 2009

### 3.1. Dự báo chung năm 2009:

- Nền kinh tế tiếp tục bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng tài chính toàn cầu, chỉ tiêu GDP trong năm 2008 là 6,23%, dự kiến 2009 khoảng 5%.
- Khả năng hình thành các liên minh giữa các công ty thuộc nhiều ngành nghề giống nhau hay khác nhau để tồn tại và phát triển.
- Theo đánh giá của CIEM, kinh tế năm 2009 sẽ tiếp tục đối mặt với những rủi ro như lạm phát cao và thâm hụt ngân sách tương đối lớn.
- Nhà nước sẽ quản lý chặt chẽ hơn về tài nguyên viễn thông, quy định quản lý thông tin thuê bao trả trước đối với các nhà cung cấp.
- Xu hướng thị trường vẫn sẽ là dịch vụ Băng rộng – Di động – Nội dung và có yêu cầu cao về chất lượng.
- Việc tham gia thị trường của các công ty viễn thông mới, sự cạnh tranh sẽ gay gắt hơn.
- Chính sách quy hoạch, phát triển hạ tầng viễn thông theo xu hướng chia sẻ, dùng chung cho các Doanh nghiệp.
- Các chính sách quản lý vĩ mô sẽ điều chỉnh theo hướng tuân thủ các cam kết với quốc tế và mở rộng dịch vụ viễn thông cho nhiều thành phần tham gia.

### 3.2. Định hướng kinh doanh và mục tiêu năm 2009:

Năm 2009, SPT sẽ tập trung phát triển dịch vụ băng rộng và các dịch vụ mới trên nền IP. Tiếp tục duy trì dịch vụ VoIP ở mức sản lượng cao đồng thời phát triển các dịch vụ mới để tạo nguồn thu thay thế. Tập trung vào phân khúc thị trường là các doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu dân cư mới, tòa cao ốc văn phòng,... là đối tượng có doanh thu ổn định và khá cao.

Tiết kiệm chi phí, quản lý chặt chẽ giá thành và kiểm tra thực hiện chi phí. Từng bước sử dụng giải pháp cáp quang thay thế dần cáp đồng.

Mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ tại các địa phương lân cận TP HCM, và



HNI, ĐNG, CTO. Chuẩn bị tốt các dự án đầu tư quan trọng cho kế hoạch kinh doanh năm 2009 và các năm tiếp theo.

Ngoài các dịch vụ đã cung cấp trong năm 2008, SPT sẽ đưa vào khai thác các dịch vụ mới như FTTx, cho thuê kênh quốc tế, IP conferencing, IP Phone, ... và thực hiện thử nghiệm kỹ thuật các dịch vụ Wimax,... Chuẩn bị tốt việc khai thác kinh doanh năm 2010 dựa trên nền tảng đầu tư của các dự án.

Bên cạnh đó, tăng cường xúc tiến hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để đẩy mạnh kinh doanh, tăng nguồn thu, rút ngắn các giai đoạn đầu tư,...

### **3.3. Mục tiêu kinh doanh 2009:**

- Tổng doanh thu : 920,22 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 53,3 tỷ đồng
- Chi phí khấu hao : 89.8 tỷ đồng
- Lợi nhuận + khấu hao : 143,3 tỷ đồng

## **IV. Báo cáo tình hình tài chính**

*Xem Phần C- Báo cáo tài chính, bản giải trình và báo cáo kiểm toán thuộc tài liệu này.*

## **V. Những tiến bộ Công ty SPT đã đạt được**

### **5.1. Về cơ cấu tổ chức – nhân sự:**

Nhân lực bình quân năm 2008 là 1554 , giảm 3,3 % so với năm 2007 mặc dù quy mô kinh doanh phát triển về thuê bao, sản lượng.

Công ty có nhiều hoạt động cải tiến về cơ cấu tổ chức và quản trị trong công ty như:

- Sáp nhập các đơn vị cơ sở kinh doanh không hiệu quả.
- Bộ máy tổ chức của các đơn vị kinh doanh và các Phòng Ban tham mưu được sắp xếp lại tinh gọn và hiệu quả hơn.
- Chất lượng của đội ngũ quản lý được chú trọng nâng cao bằng nhiều chương trình đào tạo cơ bản và thực tế;
- Phân phối cổ phiếu ưu đãi cho các nhân sự chủ chốt và theo thâm niên công tác; xem xét tăng thu nhập nhằm lưu giữ được các nhân sự tốt và giữ các vị trí công việc quan trọng.

### **5.2. Về kinh doanh:**

Thị trường Bưu chính Viễn thông đang ở trong tình trạng cạnh tranh khốc

liệt nhưng các chỉ tiêu chủ yếu về tăng trưởng thuê bao, sản lượng, tài chính vẫn đạt được mức tăng trưởng ổn định. Trong đó dịch vụ VoIP quốc tế về có mức tăng trưởng cao.

Trong năm 2008, Công ty đã tập trung đầu tư vào các dự án chiến lược song song với việc mở rộng nâng cấp hệ thống mạng hiện hữu để kinh doanh. Đây là những yếu tố thuận lợi tạo lợi thế cạnh tranh để phát triển trong tương lai.

Đẩy mạnh việc kinh doanh dịch vụ chuyển phát, băng rộng, dịch vụ VoIP quốc tế và dịch vụ khác trên nền IP, tập trung cung cấp dịch vụ đến các thị trường trọng điểm tại các khu dân cư mới, chung cư, cao ốc văn phòng và chuẩn bị mở rộng dịch vụ đến các tỉnh thành trọng điểm ngoài TP.HCM.

### **5.3. Về thương hiệu:**

Công tác xây dựng thương hiệu luôn được quan tâm đầu tư. SPT đã được bình chọn là Thương hiệu mạnh liên tiếp trong 3 năm 2006, 2007 và 2008; Trong năm 2008, SPT còn đạt giải Sao vàng Đất Việt và Sao vàng Phương Nam. Độ nhận biết các dịch vụ chính của công ty được tăng cường trên phạm vi toàn quốc.

### **5.4. Về trách nhiệm xã hội:**

Bên cạnh các hoạt động kinh doanh, SPT luôn hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước và nghĩa vụ với người lao động và xã hội. Trong năm 2008, Công ty đã đóng góp hàng trăm triệu đồng vào các chương trình xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ giúp khắc phục thiên tai, đóng góp quỹ hỗ trợ người nghèo...

## **VI. Các biện pháp kiểm soát**

### **6.1. Về cơ chế báo cáo:**

Thực hiện nghiêm túc các chế độ báo cáo của Ban điều hành đối với Thường trực Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị. Các báo cáo với các cơ quan cấp trên và Ban Ngành liên quan được thực hiện đầy đủ.

Triển khai ứng dụng phần mềm Edocman trong công tác báo cáo, chỉ đạo thực hiện, trao đổi thông tin và quản lý văn bản thống nhất trong toàn Công ty. Các chỉ tiêu, số liệu quan trọng như phát triển thuê bao, chất lượng dịch vụ, giá cước, sự kiện mới nảy sinh... được báo cáo trực tiếp Ban Tổng Giám đốc để kịp thời xử lý. Ngoài ra, Ban điều hành thường xuyên tổ chức họp trao đổi định kỳ

với các trường Đơn vị để giải quyết những vấn đề phát sinh chung của Công ty.

## 6.2. Về hệ thống kiểm soát:

Xây dựng hoàn chỉnh các quy định tài chính kế toán, các thủ tục kiểm soát nội bộ; Ban Kiểm toán nội bộ đã đi vào hoạt động ổn định và thể hiện được chức năng của mình trong hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Hoạt động của bộ phận Pháp chế được tăng cường mạnh mẽ hơn để đảm bảo sự phù hợp của các hợp đồng đối với quy định của pháp luật.

Hoàn thiện các quy trình chuẩn nội bộ các đơn vị, giữa các đơn vị, giữa Đơn vị và Công ty.

## VII. Kế hoạch phát triển trong tương lai

### 7.1 Về sản xuất kinh doanh :

- Mục tiêu chính trong năm 2009 là cố gắng bảo toàn nguồn vốn, nguồn nhân lực, đảm bảo mục tiêu phát triển thuê bao **đặc biệt là thuê bao Internet băng rộng** và khai thác tối ưu hiệu quả tuyến cáp AAG, nghiên cứu đưa vào vận hành kinh doanh thử nghiệm Wimax, IPTV.
- Tập trung chăm sóc khách hàng, đặc biệt là các khách hàng đại lý, doanh nghiệp, có ARPU lớn. Tăng độ hài lòng của khách hàng, cố gắng hạn chế thuê bao rời bỏ mạng trong tình hình hiện nay mức độ trung thành của khách hàng ngày càng giảm do các chương trình khuyến mãi rầm rộ từ các doanh nghiệp viễn thông cho họ có nhiều cơ hội lựa chọn hơn. Đi kèm với chương trình "**Năm vì khách hàng**" là biện pháp **mở rộng băng thông** để cải thiện chất lượng dịch vụ ADSL nhằm thu hút thuê bao trên cơ sở khai thác tuyến cáp AAG trong quý 3/2009.
- Mở rộng kênh phân phối, kênh phát triển thuê bao bằng giải pháp thuê ngoài nhằm đảm bảo thuê bao phát triển mới đạt, vượt KH đề ra.
- Duy trì lưu lượng VoIP quốc tế đến ở mức cao, phấn đấu giữ vững thị phần bằng hình thức kinh doanh linh hoạt, đảm bảo hiệu quả.
- Tổ chức các chương trình Marketing bài bản và hiệu quả để tăng độ nhận biết thương hiệu, đạt hiệu quả cao về công tác quảng bá sản phẩm. Xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, đẩy mạnh công tác bán hàng trực tiếp.
- Hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để đẩy nhanh tốc độ đầu tư, khai thác kinh doanh, phong phú hóa nguồn vốn.
- Bán các cổ phiếu không khả năng sinh lợi, *tận dụng cơ hội vay đầu tư với lãi suất ưu đãi*, định mức và kiểm soát chi phí.

### 7.2 Về công tác quản lý điều hành

- Gắn trách nhiệm hiệu quả hoạt động với lãnh đạo đơn vị, xây dựng qui chế trả lương theo hiệu quả và chỉ tiêu bán hàng. Cắt giảm lao động dôi dư, yếu kém tuyển mới đội ngũ lao động đúng tiêu chuẩn, trả lương phù hợp theo mặt bằng chung của thị trường và đối với ngành nghề hoạt động. Có biện pháp cụ thể để bảo toàn nguồn nhân lực và đào tạo đội ngũ kế thừa.
- Tái cấu trúc bộ máy trên cơ sở tinh gọn và hiệu quả, củng cố nguồn nhân lực; Hoàn thiện bộ máy điều hành từ cấp cao đến cấp trung, tăng cường phân quyền đi đôi với biện pháp kiểm soát.
- Thực hành tiết kiệm, quản lý chặt giá thành dịch vụ bằng các biện pháp định mức, giao ngân sách thông qua Ban kiểm toán nội bộ kiểm tra giám sát việc thực hiện. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn trong hoạt động đầu tư, kinh doanh.
- Tranh thủ sự hợp tác hỗ trợ với các cổ đông chiến lược trong lãnh vực tài chính, cung cấp dịch vụ, hợp tác đầu tư nhằm đẩy mạnh việc phát triển thị trường, thị phần và mở rộng đầu tư.

### 7.3 Về Đầu tư:

- **Định hướng đầu tư năm 2009**

- ✓ Tập trung phát triển dịch vụ băng rộng
- ✓ Chủ trương hợp tác để phát triển các dịch vụ tích hợp trên hạ tầng chung
- ✓ Khai thác tối đa hạ tầng đã đầu tư
- ✓ Đầu tư có tập trung theo phân khúc thị trường

- **Giá trị đầu tư:**

Dự kiến trong năm 2009 công tác nghiên cứu và lập hồ sơ dự án ước tính khoảng 472,89 tỷ đồng. Trong đó, đầu tư hoàn thành năm 2009 : 127,61 tỷ đồng.

**Phần C**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BẢN GIẢI TRÌNH**  
**VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**Tổ chức kiểm toán**

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán DTL.
- Địa chỉ: 140 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84.8) 827 5026 Fax: (84.8) 827 5027
- Email: dtlco@horwathdtl.com.vn
- Website: <http://www.horwathdtl.com>

**I. Báo cáo Tài chính**
**1.1. Bảng cân đối kế toán**

| Số TT      | Nội dung                            | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|------------|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>I</b>   | <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>             | <b>405,115,564,882</b>   | <b>685,285,170,954</b>   |
| 1          | Tiền và các khoản tương đương tiền  | 109,530,908,115          | 358,601,357,089          |
| 2          | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 27,476,272,400           | 84,275,708,000           |
| 3          | Các khoản phải thu ngắn hạn         | 197,885,749,870          | 178,823,057,538          |
| 4          | Hàng tồn kho                        | 55,305,437,063           | 48,175,713,245           |
| 5          | Tài sản ngắn hạn khác               | 14,917,197,434           | 15,409,335,082           |
| <b>II</b>  | <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>              | <b>1,257,921,846,940</b> | <b>963,388,936,578</b>   |
| 1          | Các khoản phải thu dài hạn          | -                        | -                        |
| 2          | Tài sản cố định                     | 600,015,463,240          | 496,769,140,682          |
|            | - Tài sản cố định hữu hình          | 485,361,996,243          | 391,064,398,465          |
|            | - Tài sản cố định vô hình           | 27,549,808,664           | 22,173,657,640           |
|            | - Tài sản cố định thuê tài chính    | -                        | -                        |
|            | - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang   | 87,103,658,333           | 83,531,084,577           |
| 3          | Bất động sản đầu tư                 | -                        | -                        |
| 4          | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn  | 606,924,528,244          | 433,310,818,696          |
| 5          | Tài sản dài hạn khác                | 50,981,855,456           | 33,308,977,200           |
| <b>III</b> | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>            | <b>1,663,037,411,822</b> | <b>1,648,674,107,532</b> |
| <b>IV</b>  | <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                  | <b>704,979,337,429</b>   | <b>605,917,161,174</b>   |
| 1          | Nợ ngắn hạn                         | 580,148,752,070          | 467,263,831,984          |
| 2          | Nợ dài hạn                          | 124,830,585,359          | 138,653,329,190          |
| <b>V</b>   | <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>               | <b>958,058,074,393</b>   | <b>1,042,756,946,358</b> |
| 1          | Vốn chủ sở hữu                      | 955,757,068,655          | 1,035,943,164,100        |
|            | - Vốn đầu tư của chủ sở hữu         | 425,000,000,000          | 325,000,000,000          |
|            | - Thặng dư vốn cổ phần              | 540,722,511,000          | 639,948,631,000          |
|            | - Vốn khác của chủ sở hữu           |                          | -                        |
|            | - Cổ phiếu ngân quỹ                 |                          | (1,500,000)              |
|            | - Chênh lệch đánh giá lại tài sản   |                          | -                        |
|            | - Chênh lệch tỷ giá hối đoái        |                          | -                        |
|            | - Quỹ đầu tư phát triển             | 19,772,689,703           | -                        |
|            | - Quỹ dự phòng tài chính            | 6,387,727,643            | 4,228,517,849            |
|            | - Các quỹ                           |                          | -                        |
|            | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | (36,125,859,691)         | 66,767,515,251           |
|            | - Nguồn vốn đầu tư XDCB             |                          |                          |
| 2          | Nguồn kinh phí, quỹ khác            | 2,301,005,738            | 6,813,782,258            |
|            | - Quỹ khen thưởng phúc lợi          |                          | -                        |
|            | - Nguồn kinh phí                    |                          | -                        |
|            | - Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ |                          | -                        |
| <b>VI</b>  | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>          | <b>1,663,037,411,822</b> | <b>1,648,674,107,532</b> |

## 1.2. Báo cáo kết quả kinh doanh

| Số TT | Nội dung                                 | 2008             | 2007            |
|-------|--|------------------|-----------------|
| 1     | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 957,756,236,309  | 922,053,169,049 |
| 2     | Các khoản giảm trừ                       | 18,548,210       | 197,569,208     |
| 3     | Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV      | 957,737,688,099  | 921,855,599,841 |
| 4     | Giá vốn hàng bán                         | 806,272,790,319  | 763,614,879,106 |
| 5     | Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV        | 151,464,897,780  | 158,240,720,735 |
| 6     | Doanh thu hoạt động tài chính            | 28,450,571,445   | 43,581,658,900  |
| 7     | Chi phí tài chính                        | 113,672,943,618  | 14,815,251,033  |
| 8     | Chi phí bán hàng                         | 21,380,027,229   | 30,437,285,302  |
| 9     | Chi phí quản lý doanh nghiệp             | 99,451,364,147   | 84,327,383,264  |
| 10    | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh  | -54,588,865,769  | 72,242,460,036  |
| 11    | Thu nhập khác                            | 11,062,767,016   | 19,250,459,796  |
| 12    | Chi phí khác                             | 3,777,917,248    | 10,113,371,347  |
| 13    | Lợi nhuận khác                           | 7,284,849,768    | 9,137,088,449   |
| 14    | Tổng lợi nhuận trước thuế                | (47,304,016,001) | 81,379,548,485  |
| 15    | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp       | 1,662,056,688    | 14,626,922,365  |
| 16    | Chi phí thuế TNDN hoãn lại               | (12,157,198,592) |                 |
| 17    | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (36,808,874,097) | 66,752,626,120  |
| 18    | Lãi cơ bản trên cổ phiếu                 | (1,133)          | 24,479          |
| 19    | Cổ tức trên cổ phiếu                     | -                | 12,000          |

\**Ghi chú:* Trong Bảng cân đối kế toán, mục các khoản đầu tư ngắn hạn 27.476.272.400 đồng bao gồm: 9.476.272.400 đồng đầu tư ngắn hạn và 18.000.000.000 đồng là khoản tiền gửi kỳ hạn trên ba tháng.

## 1.3. Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:

| Chỉ số  | 2008   | 2007  |
|---|--------|-------|
| <b>Tỷ số thanh toán</b>                             |        |       |
| Tỷ số thanh toán hiện hành                          | 0,70   | 1.47  |
| Tỷ số thanh toán nhanh                              | 0,60   | 1.36  |
| <b>Tỷ suất sinh lợi</b>                             |        |       |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)      | -3,84% | 7,24% |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (%)        | -2,21% | 4.05% |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (%) | -3,85% | 6.40% |

### 1.3.1. Tỷ số thanh toán:

Tỷ số thanh toán nhỏ hơn 1 cho thấy khả năng huy động các nguồn tài sản lưu động để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn năm 2008 giảm so với năm 2007.

### 1.3.2. Tỷ số sinh lợi:

Tỷ số sinh lợi là số âm, do ảnh hưởng sự sụt giảm của thị trường chứng khoán, Công ty phải thực hiện dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn, nên ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

## II. Báo cáo Kiểm toán

### 2.1. Ý kiến kiểm toán độc lập

Chúng tôi đã kiểm toán Bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/2008, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là Công ty). Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### 2.2. Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong Báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi. Tuy nhiên ý kiến của chúng tôi bị hạn chế bởi các vấn đề sau:

#### 2.2.1. Phạm vi kiểm toán

Phạm vi của cuộc kiểm toán này không bao gồm Báo cáo tài chính của Trung tâm Điện thoại di động CDMA (S-Telecom). Theo công văn số 8661/BTC-CKKT ngày 14/7/2006 của Bộ Tài chính, Công ty SPT được tạm thời chưa thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính của Trung tâm S-Telecom vào



Báo cáo tài chính của Công ty SPT đến hết năm 2008 để hai Bên hợp doanh có thời gian hoàn thành báo cáo quyết toán vốn đầu tư cũng như xác định giá trị tài sản vô hình của Công ty SPT vào dự án.

Bên cạnh đó, số liệu kế toán của Trung tâm Điện thoại Nam Sài Gòn được căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác.

#### 2.2.2. Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, giá trị khoản đầu tư vào Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam có số tiền là 85.2 tỷ đồng và Công ty chưa trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư nêu trên vào cuối năm tài chính 2008 theo quy định tại Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27 tháng 2 năm 2006 của Bộ Tài Chính.

### 2.3. Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề trên, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

## **Phần D**

### **CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN**

**I. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty SPT:** không có.

**II. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do Công ty SPT nắm giữ:** không có.

**III. Báo cáo tình hình góp vốn thực tế của Công ty SPT vào các đơn vị liên doanh, các công ty cổ phần khác đến ngày 31/12/2008**

**3.1. Trung tâm Điện thoại di động CDMA (S-Telecom):**

- Trụ sở: 97 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84.8) 404 0079                      Fax: (84.8) 925 4287
- Vốn hoạt động: 229.617.000 USD
- Vốn góp của Công ty SPT: 268.163.030.627 đồng
- Ngành nghề kinh doanh: Cung cấp dịch vụ thông tin di động.

**3.2. Công ty Cổ phần Cáp Sài Gòn (SCC):**

- Trụ sở: Khu công nghiệp Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
  - Điện thoại: (061) 351 4127      Fax: (061) 351 4126
  - Giấy chứng nhận ĐKKD số: 4703000255 Sở KH&ĐT tỉnh Đồng nai cấp
  - Vốn điều lệ:            300.000.000.000 đồng.
  - Vốn góp của Công ty SPT: 21.900.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 6,3 %
- Vốn điều lệ Công ty SCC (Ngoài ra Công Đoàn Công ty SPT có đứng tên 37.494 cổ phiếu Công ty Cáp Sài Gòn tương đương 1.687.208.000 đồng)
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh các loại cáp vật liệu viễn thông.

**3.3. Công ty Cổ phần Nhựa Sam Phú (SPC):**

- Trụ sở: Khu công nghiệp Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (061) 351 4166                      Fax: (061) 351 4165
- Giấy chứng nhận ĐKKD số: 4703300327 Sở KH&ĐT tỉnh Đồng nai cấp
- Vốn điều lệ:            50.000.000.000 đồng.
- Vốn góp của Công ty SPT: 2.091.360.000 đồng, chiếm tỷ lệ 4,18% Vốn điều lệ Công ty SPC.

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất sản phẩm ống nhựa.

**3.4. Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn Thông (Sametel):**

- Trụ sở: đường số 1, Khu công nghiệp Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

- Điện thoại: (061) 351 4277 Fax: (061) 351 4276

- Giấy chứng nhận ĐKKD số: 4703000342 Sở KH&ĐT tỉnh Đồng nai cấp

- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng.

- Vốn góp của Công ty SPT: 1.250.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 5,00% Vốn điều lệ Công ty SPC.

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, lắp ráp các thiết bị vật liệu điện.

**3.5.Khu công nghệ cao:**

- Trụ sở: Lô 6.1 tòa nhà Etown 2, số 364 Cộng hòa, F13 Q TB. TP.HCM

- Điện thoại:(08) 3810 0017 Fax: (08) 3810 0337

- Giấy chứng nhận ĐKKD số: 4103006017 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp

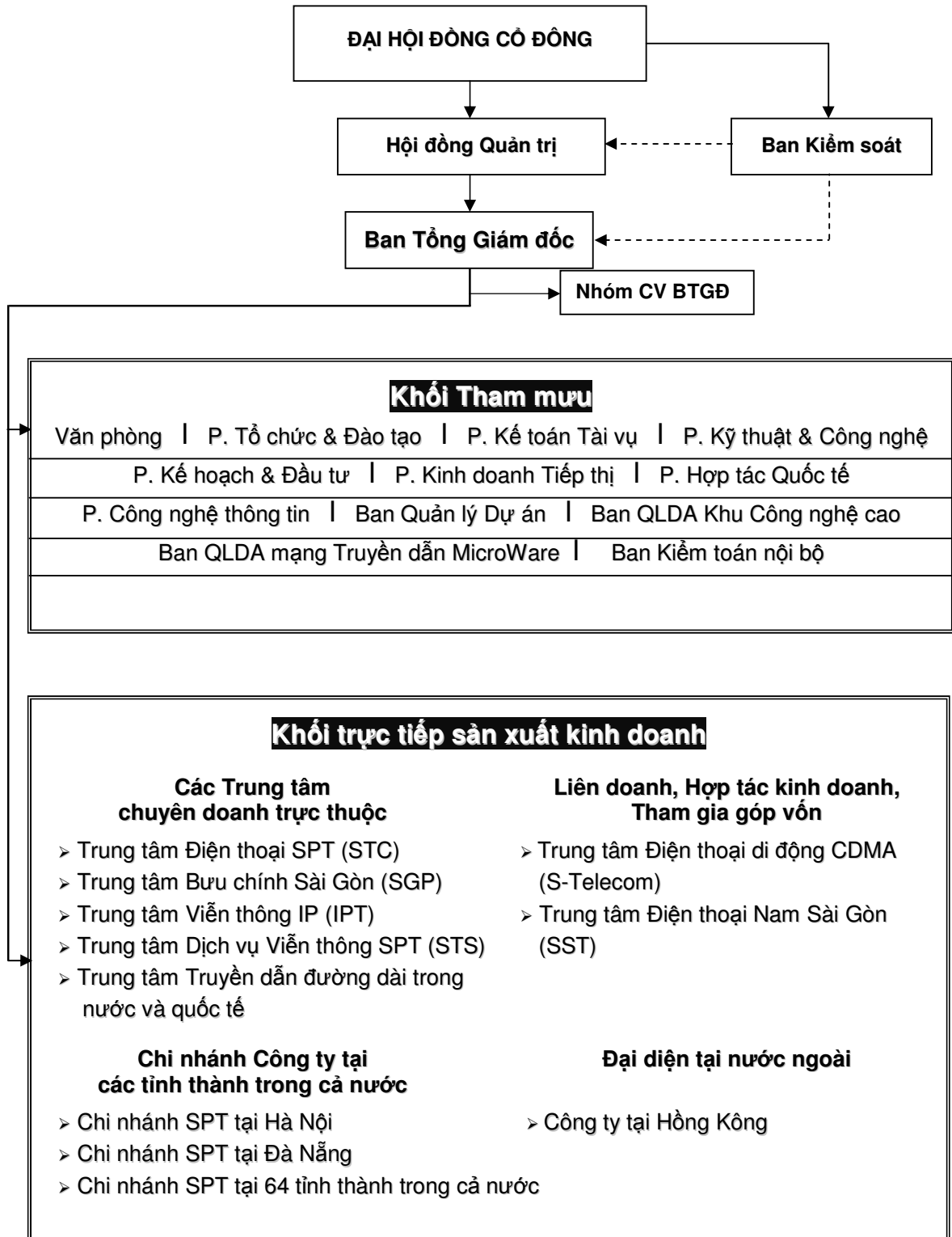
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng.

- Vốn góp của Công ty SPT: 15.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 5,00% Vốn điều lệ Khu công nghệ cao.

- Ngành nghề kinh doanh: Đầu tư, xây dựng, kinh doanh các công trình hạ tầng

## **Phần E TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ**

### **I. Cơ cấu tổ chức Công ty**



## II. Tóm tắt lý lịch các thành viên Ban Điều hành Công ty

**Ban Tổng Giám đốc:** 06 thành viên và Kế toán trưởng

### 2.1. Ông PHẠM NGỌC TUẤN, Tổng Giám đốc

*(Vui lòng xem Phần F. I. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát)*

### 2.2. Ông NGUYỄN NHẬT TÂN, Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1951
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Cần Thơ.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty SPT kiêm nhiệm Giám đốc Trung tâm Điện thoại Nam Sài Gòn (SST)
- Số cổ phần nắm giữ:
  - + Cổ phần cá nhân: 6.042 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,014% Vốn điều lệ.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

### 2.3. Bà HUỖNH NGỌC CẨM, Phó Tổng Giám đốc

*(Vui lòng xem Phần F. I. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát)*

### 2.4. Ông TÔN MINH THÔNG, Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1959
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thị xã Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật, Kỹ sư Máy tính, Kỹ sư Vô tuyến thông tin.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty SPT
- Số cổ phần nắm giữ:
  - + Cổ phần cá nhân: 6.042 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,014% Vốn điều lệ.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

**2.5. Ông LÊ QUANG TRIỆU, Phó Tổng Giám đốc**

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1962
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Huyện Mỏ Cày, Tỉnh Bến Tre.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật Viễn thông, Kỹ sư Vô tuyến điện và thông tin, Cao đẳng Kỹ sư thực hành Vô tuyến điện.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty SPT
- Số cổ phần nắm giữ:
  - + Cổ phần cá nhân: 3.256 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,008% Vốn điều lệ.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

**2.6. Ông HỒ HỒNG SON, Phó Tổng Giám đốc**

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1957
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Cam Lộ, Quảng Trị.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư Công nghệ lọc hóa dầu.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty SPT kiêm nhiệm Giám đốc điều hành Trung tâm Điện thoại di động CDMA (S-Telecom)
- Số cổ phần nắm giữ:
  - + Cổ phần cá nhân: 3.256 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,008% Vốn điều lệ.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

**2.7. Bà PHẠM THỊ THANH THÚY, Kế toán trưởng**

- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1973
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tiền Giang

- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Tài chính
- Chức vụ công tác hiện nay: Quyền Kế toán trưởng Công ty SPT
- Số cổ phần nắm giữ:
  - + Cổ phần cá nhân: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

### **III. Số lượng cán bộ, viên chức và chính sách đối với người lao động**

- Số lượng cán bộ, nhân viên đến ngày 31-12-2008 là 1.554 người (không bao gồm Trung Tâm S- Telecom và SST).

- Thu nhập bình quân của Cán bộ, viên chức: 3,8 triệu đồng/người/tháng.

- Công ty thực hiện đầy đủ chế độ chính sách của nhà nước quy định cho người lao động. Phối hợp với Công đoàn thực hiện các phúc lợi khác như chế độ cho lao động nữ, con nhân viên, trợ cấp hoặc các hình thức chăm lo khác cho gia đình nhân viên.

- Ngoài ra, Công ty còn tổ chức các khoá đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho viên chức, trình độ quản lý cho cán bộ lãnh đạo trong và ngoài nước, tổ chức các khóa huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho viên chức kỹ thuật, trực tiếp sản xuất...

## Phần F

# THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

### I. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

#### 1.1. Hội đồng Quản trị: gồm 11 thành viên và có cơ cấu như sau:

- Thành viên thường trực:
  - + Bà Trần Thị Ngọc Bình, Chủ tịch.
  - + Ông Nguyễn Dương Hiệu, Phó Chủ tịch.
  - + Bà Huỳnh Ngọc Cẩm, Ủy viên Thường trực.
- Thành viên không thường trực:
  - + Ông Đặng Minh Đạt, Ủy viên.
  - + Ông Nguyễn Văn Vân, Ủy viên.
  - + Ông Nguyễn Phước Minh, Ủy viên.
  - + Ông Nguyễn Hữu Thắng, Ủy viên.
  - + Ông Nguyễn Bá Thước, Ủy viên.
  - + Ông Nguyễn Quang Sơn
  - + Ông Phạm Ngọc Tuấn, Ủy viên – Tổng Giám đốc
  - + Ông Tạ Phước Đạt, Ủy viên

##### 1.1.1. Bà **TRẦN THỊ NGỌC BÌNH**, Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1951
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Gò Dầu, Tây Ninh
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hệ thống Vô tuyến điện
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty SPT
- Số cổ phần nắm giữ:

+ Đại diện Ban Tài chính Quản trị Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh sở hữu: 1.728.390 cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,067% Vốn điều lệ.

+ Cổ phần cá nhân: 5.479 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,013% Vốn



điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.1.2. Ông **NGUYỄN DUƠNG HIỆU**, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1958
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tân Yên, Hà Bắc
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
- Chức vụ công tác hiện nay:
  - + Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty SPT
  - + Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bến Thành (Sunimex)
- Số cổ phần nắm giữ:
  - + Đại diện Tổng Công ty Bến Thành (Sunimex) sở hữu: 1.771.805 cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,169% Vốn điều lệ.
  - + Cổ phần cá nhân: 6.538 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,015% Vốn điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.1.3. Bà **HUỲNH NGỌC CẨM**, Ủy viên thường trực Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1960
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Gò Công, Tiền Giang
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên thường trực Hội đồng Quản trị Công ty SPT – Phó Tổng Giám Đốc Công ty SPT.
- Số cổ phần nắm giữ:
  - + Đại diện Công ty TNHH 1 thành viên Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh (Saigon Petro) sở hữu: 1.729.397 cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,069% Vốn điều lệ.

+ Cổ phần cá nhân: 6.813 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,016% Vốn điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

- Các khoản nợ đối với Công ty: không

#### 1.1.4. Ông **ĐẶNG MINH ĐẠT**, Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam

- Năm sinh: 1963

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Cần Đước, Long An

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Hành chính

- Chức vụ công tác hiện nay:

+ Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty SPT

+ Chánh Văn phòng Quận ủy Quận 1

- Số cổ phần nắm giữ:

+ Đại diện Quận ủy Quận 1 sở hữu: 1.726.952 cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,063% Vốn điều lệ.

+ Cổ phần cá nhân: 3.897 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,009% Vốn điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

- Các khoản nợ đối với Công ty: không

#### 1.1.5. Ông **NGUYỄN VĂN VÂN**, Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam

- Năm sinh: 1954

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Trung Ngãi, Vũng Liêm, Vĩnh Long

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

- Chức vụ công tác hiện nay:

+ Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty SPT

+ Giám đốc Công ty Quản lý Nhà Quận 1

- Số cổ phần nắm giữ:

+ Đại diện Công ty Quản lý Nhà Quận 1 sở hữu: 6.699.190 cổ phần, chiếm tỷ lệ 15,763% Vốn điều lệ.

- + Cổ phần cá nhân: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.1.6. Ông **NGUYỄN HỮU THẮNG**, Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1965
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thanh Hóa
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Chức vụ công tác hiện nay:
  - + Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty SPT
  - + Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Kinh doanh Nhà Bến Thành
- Số cổ phần nắm giữ:
  - + Đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Kinh doanh Nhà Bến Thành sở hữu: 1.674.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 3,940% Vốn điều lệ.
  - + Cổ phần cá nhân: 3.897 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,009% Vốn điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.1.7. Ông **NGUYỄN PHƯỚC MINH**, Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1955
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Diêu Trì, Tuy Phước
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Chức vụ công tác hiện nay:
  - + Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty SPT
  - + Phó Trưởng Ban Tài chính Quản trị Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh
- Số cổ phần nắm giữ:
  - + Đại diện Công ty TNHH 1 thành viên Du lịch – Thương

mại Kỳ Hòa sở hữu: 1.758.611 cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,138% Vốn điều lệ.

+ Cổ phần cá nhân: 5.218 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,012% Vốn điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.1.8. Ông **NGUYỄN QUANG SƠN**, Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam

- Năm sinh: 1957

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Sài Gòn

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

- Chức vụ công tác hiện nay:

+ Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty SPT

+ Giám đốc Công ty Đông Hải (DOHACO)

- Số cổ phần nắm giữ:

+ Đại diện Công ty Đông Hải sở hữu: 788.002 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,854% Vốn điều lệ.

+ Cổ phần cá nhân: 5.218 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,012% Vốn điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.1.9. Ông **PHẠM NGỌC TUẤN**, Ủy viên Hội đồng Quản trị - Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam

- Năm sinh: 1952

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Tiền Giang

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh.

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng Quản trị - Tổng Giám đốc Công ty SPT

- Số cổ phần nắm giữ:

+ Đại diện Công ty Cổ phần TIE sở hữu: 867.471 cổ phần,

chiếm tỷ lệ 2,041% Vốn điều lệ.

+ Cổ phần cá nhân: 4.420 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,010% Vốn điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.1.10. Ông **NGUYỄN BÁ THUỐC**, Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam

- Năm sinh: 1950

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Diễn Châu, Nghệ An

- Trình độ văn hoá: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Viễn thông

- Chức vụ công tác hiện nay:

+ Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty SPT

+ Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)

+ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty tài chính Bưu điện

- Số cổ phần nắm giữ:

+ Đại diện Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam sở hữu: 6.220.875 cổ phần, chiếm tỷ lệ 14,637% Vốn điều lệ.

+ Cổ phần cá nhân: 4.420 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,010% Vốn điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.1.11. Ông **TẠ PHƯỚC ĐẠT**, Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam

- Năm sinh: 1969

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán:

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

- Chức vụ công tác hiện nay:

+ Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP DV Tổng hợp Sài Gòn

+ Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH TM TH Bến Thành – Savico

- + Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty SPT
- + Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Việt Thái
- + Thành viên HĐQT Công ty Du Lịch Bến Thành Long Hải (Tropicana Beach).
- Số cổ phần nắm giữ:
  - + Đại diện sở hữu: Công ty CP DV Tổng hợp Sài Gòn 1.667.308 cổ phần, chiếm tỷ lệ 3,923% Vốn điều lệ.
  - + Cổ phần cá nhân: không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

**2.2. Ban Kiểm soát:** gồm 02 thành viên và có cơ cấu như sau:

- + Ông Thân Hải Thanh, Trưởng Ban.
- + Ông Bùi Xuân Bắc, Phó Trưởng ban.

**2.2.1. Ông THÂN HẢI THANH, Trưởng Ban Kiểm soát**

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1950
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Nam
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân chính trị
- Chức vụ công tác hiện nay:
  - + Trưởng ban Ban Kiểm soát Công ty SPT
  - + Quyền Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH 1 thành viên Dịch vụ Du lịch Bến Thành (Ben Thanh Tourist)
- Số cổ phần nắm giữ:
  - + Đại diện Công ty TNHH 1 thành viên Dịch vụ Du lịch Bến Thành sở hữu: 653.781 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,538% Vốn điều lệ.
  - + Cổ phần cá nhân: 6.277 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,015% Vốn điều lệ.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

**2.2.2. Ông BÙI XUÂN BẮC, Phó Trưởng ban Ban Kiểm soát**

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1959
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nam
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay:
  - + Phó Trưởng ban Ban Kiểm soát Công ty SPT
  - + Phó Giám đốc Công TNHH TNT (T&T Co. Ltd)
- Số cổ phần nắm giữ:
  - + Đại diện Công ty TNHH TNT sở hữu: 1.714.372 cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,034% Vốn điều lệ.
  - + Cổ phần cá nhân: 3.897 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,009% Vốn điều lệ.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

## II. Thống kê về cổ đông

### 2.1. Cổ đông góp vốn trong nước

- Cơ cấu cổ đông góp vốn trong nước đến ngày 31/12/2008:

| CỔ ĐÔNG                                     | Tổng số vốn cổ phần (Mệnh giá 10.000đ/cp) |                   |                 |
|---|---|-------------------|-----------------|
|   | Tổng số tiền                              | SL cổ phần        | Tỉ lệ %         |
| Cổ đông DNNN, Tổ chức CT - XH               | 327,288,830,000                           | 32,728,883        | <b>77.01%</b>   |
| Cổ đông tổ chức ngoài DNNN, Tổ chức CT - XH | 50,077,680,000                            | 5,007,768         | <b>11.78%</b>   |
| Cổ đông là cá nhân ngoài công ty            | 39,378,530,000                            | 3,937,853         | <b>9.27%</b>    |
| Cổ đông là cán bộ viên chức Công ty         | 4,887,420,000                             | 488,742           | <b>1.15%</b>    |
| Cổ phiếu ưu đãi                             | 3,367,460,000                             | 336,746           | <b>0.79%</b>    |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                            | <b>424,999,999,992</b>                    | <b>42,499,992</b> | <b>100,000%</b> |

**2.2. Các cổ đông lớn của Cty SPT (có tỷ lệ vốn góp từ 3% trở lên/Tổng vốn điều lệ):**

| TEÂN CỎÃ NÕÃNG   | NÕÃ CHÆ  | NGAØNH NGHEÃ KD  | SL CỎÃ PHAÃN<br>(Meãnh giaù<br>10.000ñ/1cp) | TÝ LEÃ VOÃN<br>GOÙP |
|--|--|--|---|---------------------|
| <b>TOÃNG CỎÃNG TY<br/>BEÃN THAØNH<br/>(SUNIMEX)</b>                | 71-79 Nõang Khõu,<br>P.Beãn Ngheù, Q.1,<br>TP.HCM            | Dõch vủi thõng maĩ, saũn<br>xuaát vạc ñầu tõ   | <b>1,771,805</b>                            | <b>4.169%</b>       |
| <b>CTY TNHH 1 TV DU<br/>LỒCH - THÕNG<br/>MAĨ KYØ HOØA</b>          | 12 Nõdõng 3/2, P.12,<br>Q.10, TP.HCM                         | Nhaø haøng - khaùch saĩn   | <b>1,758,611</b>                            | <b>4.138%</b>       |
| <b>BAN TAØI CHĨNH<br/>QUAũN TRÕ<br/>THAØNH UYỦ</b>                 | 135 Trõng Nõnh,<br>P.7, Q.3, TP.HCM                          | Ña ngaønh ngheã  | <b>1,728,390</b>                            | <b>4.067%</b>       |
| <b>CỎÃNG TY TNHH 1<br/>TV DAÙ KHÍ<br/>TP.HCM<br/>(SAIGONPETRO)</b> | 27 Nguyean Thoãng,<br>P.7, Q.3, TP.HCM                       | Saũn xuaát, kinh doanh xaøng<br>daù khí ñoát vạc lieãn doanh<br>saũn xuaát KD nhõut  | <b>1,729,397</b>                            | <b>4.069%</b>       |
| <b>CỎÃNG TY TNHH<br/>T.N.T (T&amp;T CO. LTD)</b>                   | 258 Bis Traãn Hõng<br>Ñaõ, P.Ng Cõ Trinh,<br>Q1, TP.HCM      | Kinh doanh dõch vủi du lõch,<br>nhaø haøng   | <b>1,714,372</b>                            | <b>4.034%</b>       |
| <b>CỎÃNG TY CP DV<br/>TOÃNG HÕIP SAØI<br/>GOØN (SAVICO)</b>        | 68 Nam Kyø Khõu<br>Nghõa, P.Ng Thauĩ<br>Bĩnh, Q.1, TP.HCM    | Dvủi sinh hoaĩt vạc sõua chõõa,<br>baũo haønh caùc tõ lieãu SX<br>vạc tieãu duøng, DV du lõch vạc<br>thõng nghiãp, SX vạc XNK. | <b>1,667,308</b>                            | <b>3.923%</b>       |
| <b>QUAũN UYỦ QUAũN<br/>I</b>                                       | 30 Phuong Khaéc<br>Khoan, P.Ñakao, Q.1,<br>TP.HCM            | Thu mua, gia công cheã bieãn,<br>KD caùc maët haøng nõang<br>laãm thuỷ haũ saũn  | <b>1,726,952</b>                            | <b>4.063%</b>       |
| <b>CTY CP ÑAÙU TÕ<br/>XAÃY DÕĨNG KD<br/>NHAØ BEÃN<br/>THAØNH</b>   | 104 Coãng Quyønh,<br>P.Phaĩm Nguõ Laõo,<br>Q.1, TP.HCM       | KD nhaø, xaãy nhaø ctring,<br>nhaø õu vạc XD khaùc.  | <b>1,674,500</b>                            | <b>3.940%</b>       |
| <b>CỎÃNG TY QUAũN<br/>LYỦ NHAØ QUAũN 1</b>                         | 28-30 Nguyean Thauĩ<br>Bĩnh, P.Ng Thauĩ<br>Bĩnh, Q.1, TP.HCM | Quaũn lý baũo dõdõng naøng<br>caáp nhaø, phaùt trieãn nhaø õu<br>thuõac sõu hõõu nhaø nõdõc.                                   | <b>6,699,190</b>                            | <b>15.763%</b>      |
| <b>TOÃNG CỎÃNG TY<br/>BC VIEÃN THOÃNG<br/>(VNPT)</b>               | 01 Ñaøo Duy Anh<br>(Toaø nhaø Haøng<br>Haũ), Haø Noãi        | KD caùc dvủi BCVT, khaũo saũt<br>thieát keã XD caùc ctring BCVT,<br>XNK cung õùng vķo thieát bõ<br>BCVT                        | <b>6,220,875</b>                            | <b>14.637%</b>      |
| <b>NGAÃN HAØNG<br/>NGOÃI THÕNG<br/>VIEÃT NAM</b>                   | 198 Traãn Quang<br>Khaũ, Q Hoæon<br>Kieãm Haø Noãi           | Ngaønh Tín dũng  | <b>1,634,615</b>                            | <b>3.846%</b>       |



|  |   |              |                  |               |
|--|---|--------------|------------------|---------------|
| <b>CÔNG TY TNHH<br/>CHỖNG KHOAÙN<br/>ACB</b> | 09 Lêã Ngoã Cãt,<br>P.7, Q.3, TP.HCM                      | Chỗng khoaùn | <b>1,961,538</b> | <b>4.615%</b> |
| <b>QUỖ ÑAÀU TỖ<br/>VIEÁT NAM</b>             | Tầng 12 thàup A,<br>Vincom City, 191 Bã<br>Triãu, Hã Noãi | Ñãàu tỖ      | <b>1,307,692</b> | <b>3.077%</b> |

### 2.3. Cỗ ðông nước ngoài :

| <b>TEÂN CỎ ÑOÃNG</b>                   | <b>ÑÒA CHÆ</b>                           | <b>NGAØNH<br/>NGHEÀ KD</b> | <b>SL CỎA PHAÀN<br/>(Meãnھ giãu<br/>10.000ñ/1cp)</b> | <b>TYÙ LEÃ<br/>VOÀN<br/>GOÙP</b> |
|--|--|----------------------------|--|----------------------------------|
| <b>Việt nam Lotus Fund<br/>Limited</b> | Lãu 6, 161 ðồng Khỏi, Quận I –<br>TP.HCM | Ðãu tư                     | <b>915.385</b>                                       | <b>2.15%</b>                     |

Ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm 2009

**Tổng Giám Ðốc**

(ã ký)

**TRẦN THỊ NGỌC BÌNH**